

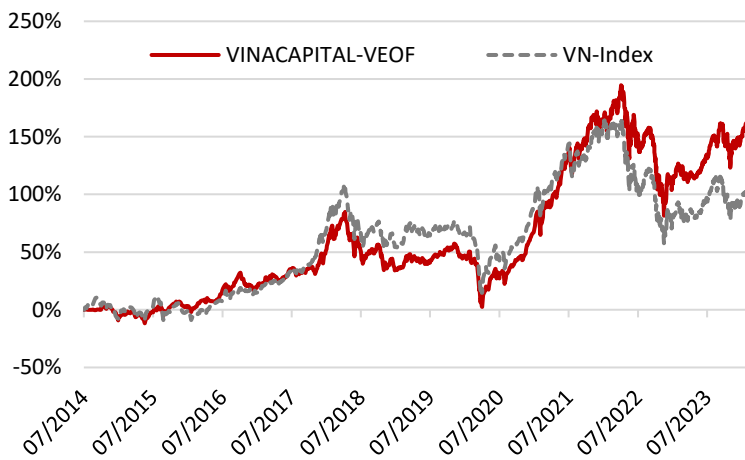
VINACAPITAL-VEOF

Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, lựa chọn những cổ phiếu có kỳ vọng sinh lời cao thông qua quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng.

Quỹ đầu tư tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết của các công ty có vốn hóa lớn và vừa, các công ty đầu ngành hoặc có lợi thế cạnh tranh khác biệt, có nhiều tiềm năng tăng trưởng và đang được định giá thấp.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VEOF

	VINACAPITAL-VEOF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	737.7	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	26,046.8	
Lợi nhuận tháng 01/2024 (%)	4.1	3.0
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	4.1	3.0
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	15.4	3.3
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	10.5	7.6
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	160.5	101.4

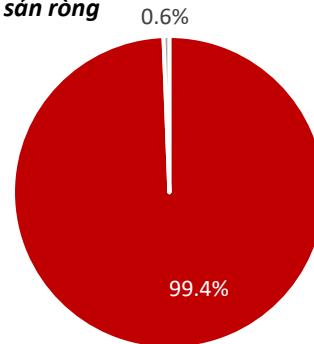
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/7/2014
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	1.5% >= 12 tháng
	0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, Từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

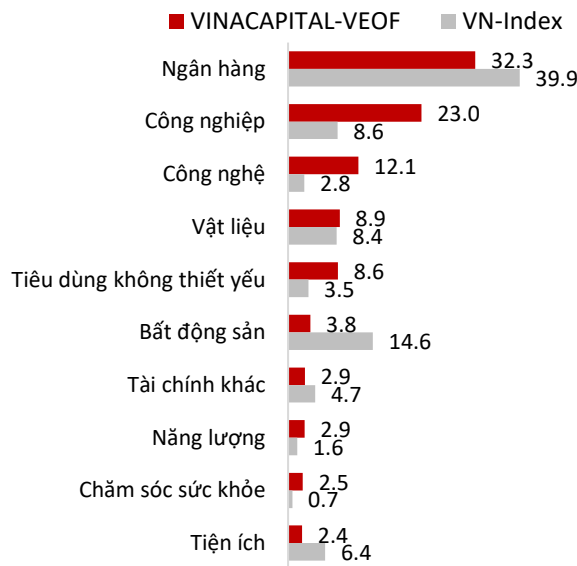
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VEOF	VN-Index
Chỉ số P/E 2024 (x)	10.2	10.0
Chỉ số P/B 2024 (x)	2.1	1.5
Chỉ số ROE 2024 (%)	17.9	14.9
Tỷ suất cổ tức (%)	2.5	2.9
Vòng quay danh mục (%)	60.4	-
Hệ số Sharpe	0.3	0.2
Số lượng cổ phiếu	28	417

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bố theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	12.1
VCB	Ngân hàng	9.0
MBB	Ngân hàng	7.7
ACB	Ngân hàng	6.7
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	4.9
BID	Ngân hàng	4.6
STB	Ngân hàng	4.2
NTC	Công nghiệp	4.0
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	3.7
CTR	Công nghiệp	3.1

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VEOF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã khởi đầu năm 2024 một cách khá tích cực. Sau khi tăng 6,4% và 3,3% trong tháng 11 và 12/2023, chỉ số VN-Index tiếp tục tăng 3,0% trong tháng 1/2024.

Như chúng tôi có đề cập trong báo cáo tháng trước, các số liệu kinh tế trong quý 4/2023 tiếp tục xác nhận xu hướng phục hồi của nền kinh tế. Bên cạnh đó, lãi suất tiền gửi ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức thấp kỷ lục trong nhiều năm, lạm phát và tỷ giá được kiểm soát tương đối ổn định. Chính phủ tiếp tục thúc đẩy các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư công. Về tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Nhà nước đã giao hết toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng định hướng 15% ngay từ đầu năm 2024. Chính sách này khác với những năm trước, khi chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được phân bổ thành nhiều phần nhỏ trong năm. Việc định hướng tăng trưởng tín dụng 15% ngay từ đầu năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng cung ứng nguồn vốn tín dụng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Thị trường chứng khoán thế giới cũng diễn biến tích cực, với việc chỉ số S&P 500 liên tục lập những mức cao mới và đạt được mức tăng 1,6% trong tháng 1/2024.

Ở thị trường trong nước, sau 9 tháng bán ròng liên tiếp, khối ngoại đã quay trở lại mua ròng 1,2 nghìn tỷ đồng trong tháng 1/2024, tính trên cả 3 sàn. Dù vẫn chỉ chiếm khoảng 15% tổng giá trị giao dịch trên thị trường, việc khối ngoại mua ròng đã củng cố thêm niềm tin của nhà đầu tư trong nước về triển vọng của thị trường chứng khoán trong năm 2024.

Các doanh nghiệp niêm yết đã công bố kết quả kinh doanh cho cả năm 2023. Tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết trên cả 3 sàn giảm 4,6% so với năm 2022. Các ngành ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng bao gồm Ngân hàng – Tài chính, Công nghiệp (chủ yếu từ nhóm cảng biển và sự phục hồi của các doanh nghiệp hàng không) và Công nghệ thông tin. Ở chiều ngược lại, lợi nhuận trong năm 2023 giảm ở nhóm Bất động sản và Hàng tiêu dùng.

Tuy nhiên, nếu nhìn riêng quý 4/2023, tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết tăng 4,4% so với quý trước và tăng 32,2% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy tình hình kinh doanh nói chung của các doanh nghiệp niêm yết đã bước vào giai đoạn hồi phục.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL-VEOF tăng 4,1% trong tháng 1/2024, cao hơn 1,0% so với mức tăng của chỉ số VN-Index.

Trong 10 cổ phiếu lớn nhất thuộc danh mục của VINACAPITAL-VEOF, chỉ ngoại trừ FPT và CTR, 8 cổ phiếu còn lại đều có mức tăng tốt hơn chỉ số VN-Index. Nổi bật nhất là nhóm cổ phiếu ngân hàng, là ngành đã dẫn dắt đà tăng của thị trường trong tháng 1/2024. Mặc dù kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết suy giảm trong năm 2023 (tổng lợi nhuận giảm 4,6% - như chúng tôi đã nói ở trên), các ngân hàng mà VINACAPITAL-VEOF nắm giữ đã đạt tăng trưởng lợi nhuận từ 10% đến 5,3% trong năm 2023. Các ngân hàng này đều kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay đối với các lĩnh vực rủi ro, chất lượng tài sản ổn định và các số liệu liên quan đến nợ xấu đều tốt lên trong quý 4/2023.

PNJ tăng 6,4% trong tháng 1/2024. Trong bối cảnh kết quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng tiêu dùng đều suy giảm trong năm 2023, PNJ đã đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn kỳ vọng nhờ có chiến lược kinh doanh hiệu quả để lấy thêm được thị phần trong thị trường đồ trang sức. Lợi nhuận của PNJ tăng trưởng 35% và 9% trong quý 4/2023 và cả năm 2023, đạt 632 tỷ và 1.971 tỷ đồng.

Ở nhóm cổ phiếu nhỏ hơn, nổi bật nhất là nhóm cổ phiếu khu công nghiệp với NTC, IDC và SZC với mức tăng từ 5% đến 7% trong tháng 1/2024 nhờ triển vọng tích cực về khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam. Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 36,6 tỷ USD và 2,3 tỷ USD trong năm 2023 và tháng 1/2024, ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 32% và 40% so với cùng kỳ năm trước.

Qua theo dõi các số liệu kinh tế vĩ mô và xu hướng tình hình kinh doanh của các doanh

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2022	0.0%	5.1%	3.3%	-6.0%	-4.1%	-4.7%	-1.3%	5.2%	-10.1%	-10.2%	0.8%	-0.1%	-21.2%
2023	7.8%	-5.3%	1.2%	-0.2%	3.0%	4.2%	8.2%	2.1%	-3.1%	-9.9%	8.5%	3.4%	19.5%
2024	4.1%												4.1%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.